TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2018
V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hiếu;

2. Bà Nguyễn Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 04/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 677/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2017 về việc "tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1990; HKTT: Số 308, tổ 12, ấp L1, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1992; HKTT: Số 03, ấp L3, xã l4, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông D có mặt. Bị đơn bà T đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2017, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (ông D) trình bày*:**

Trước đây, ông D với bà T là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định số 197/2012/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2012 của Tòa án nhân dân thị xã B1, tỉnh

Bình Dương. Khi ly hôn, bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Hồng Q, sinh ngày 23/3/2009 và ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhưng hiện nay bà T đã có gia đình mới, có 02 người con khác, điều kiện kinh tế khó khăn. Hơn nữa, nguyên vọng của cháu Q là muốn ở chung với ông D. Ông D hiện nay có nhà riêng ở tại xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương, có cha ruột ở cùng và chưa có gia đình mới. Công việc hiện tại là tài xế xe Ben với thu nhập hàng tháng là 9.000.000 đồng, thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 6, sáng từ 07 giờ đến 17 giờ, thứ bảy và chủ nhật được nghỉ. Ông D hoàn toàn đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho cháu Q.

Nay, ông D khởi kiện yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Hồng Q, sinh ngày 23/3/2009 và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chứng cứ ông D giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 01 bản chính đơn khởi kiện ngày 25/9/2017; 01 bản sao giấy Chứng minh nhân dân; 01 bản sao Sổ hộ khẩu ; 01 bản sao trích lục khai sinh của con chung; 01 bản sao Quyết định 197/2012/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2017 của TAND thị xã B1, tỉnh Bình Dương; 01 bản tự khai ngày 27/10/2017. Ngoài ra, ông D không cung cấp ý kiến gì khác.

**** Theo đơn bản tự khai , biên bản công khai chứng cứ , biên bản hòa giải bị đơn (bà T) trình bày*:**

Trước đây, bà T với ông D là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định số 197/2012/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2012 của TAND thị xã B1, tỉnh Bình Dương. Khi ly hôn, bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Hồng Q, sinh ngày 23/3/2009 và ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông D không cấp dưỡng nuôi con được đồng nào.

Từ khi ly hôn đến nay, bà T vẫn nuôi dưỡng và chăm sóc tốt cho cháu Q, cho cháu Q đi học đầy đủ. Bà T vẫn tạo điều kiện cho ông D được đến thăm và chăm sóc cho cháu Q, vẫn để cho ông D chở con chung về nhà nội vào những ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ, ngày tết hoặc có đám tiệc.

Trước yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi quyền nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của ông D thì bà T không đồng ý giao con cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T hiện nay có nhà riêng, có gia đình riêng, có con riêng, công việc làm công nhân với thu nhập hàng tháng là 6.500.000 đồng, thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 7, sáng từ 07 giờ đến 18 giờ. Bà T khẳng định đủ điều kiện chăm sóc cho cháu Q.

Chứng cứ bà T giao nộp để chứng minh cho ý kiến: 01 bản tự khai ngày 27/10/2017. Ngoài ra, bà T không cung cấp ý kiến gì khác.

**** Quá trình làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, con chung Trần Thị Hồng Q có ý kiến*:**

Con chung Trần Thị Hồng Q có nguyện vọng được ở với ba là ông Trần Văn D.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến*:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn ông D còn bị đơn bà T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Việc vắng mặt của bị đơn bà T là cố tình nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Không kiến nghị xem xét, bổ sung thủ tục tố tụng. Nội dung vụ án, căn cứ Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông D có mặt, bị đơn bà T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn bà T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình . Việc vắng mặt của bị đơn bà T là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông D khởi kiện bà T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với yêu cầu được trực tiếp nuôi dư ỡng con chung tên Trần Thị Hồng Q, sinh ngày 23/3/2009 và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T không chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của ông D. Con chung cháu Q có nguyện vọng được về sống cùng ông Dương. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Trang hiện đang sinh sống tại xã L4, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của ông D: Trước đây, ông D và bà T là vợ chồng và đã ly hôn theo Quyết định số 197/2012/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2012 của Toà án nhân dân thị xã B1, tỉnh Bình Dương. Khi ly hôn, bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con

chung tên Trần Thị Hồng Q, sinh ngày 23/3/2009, ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, từ tháng 8/2017 đến nay, cháu Q đã về sống cùng với ông D và ông D có ý muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q. Bà T không đồng ý giao cháu Q cho ông D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông D không có quyền được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà T cũng không tham gia phiên tòa xét xử. Theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Biên bản làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/10/2017, con chung Trần Thị Hồng Q có nguyện vọng được sống cùng với ba là ông D. Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa thấy rằng, ông D có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông D không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D.

[3] Ông D xác định mình có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của ông D và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Các bên đương sự được thực hiện quyền thăm nom , chăm sóc, giáo dục con chung và quyền thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn theo các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa và đề xuất hướng giải quyết về nội dung là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

[6] Bị đơn bà T phải chịu án phí sơ thẩm thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn của ông Trần Văn D đối với bà Nguyễn Thị Hồng T, xử lý cụ thể như sau:

1. *Về quyền nuôi con chung*: Ông Trần Văn D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Hồng Q, sinh ngày 23/3/2009.

2. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn D về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyền nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 197/2012/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2012 của Toà án nhân dân thị xã B1, tỉnh Bình Dương hết hiệu lực khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

II. Về án phí:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2. Hoàn trả cho ông Trần Văn D số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005903 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 04/01/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng